TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2018
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Mai

+ Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Thanh Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kiều Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Đội 2, thôn P, xã C, huyện T, Thành phố H. Có mặt.

Bị đơn: Bà Tạ Thị H1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đội 2, thôn P, xã C, huyện T, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là ông Kiều Văn H trình bày: Ông và bà Tạ Thị H1 có thời gian tìm hiểu một năm, tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 15/12/1992. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà H1 hay nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình rồi ghen tuông. Thực tế ông không có quan hệ ngoại tình với ai. Ông cũng đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không cải thiện được tình cảm. Năm 2011, bà H1 đã bỏ đi lao động nước ngoài, không bàn bạc gì với ông. Ông và bà H1 đã sống ly thân 07 năm rồi. Tháng 4/2018 bà H1 về nước, nhưng vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì, tiếp tục sống ly thân. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không

thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết cho ông được ly hôn bà H1.

Về con chung: Ông và bà H1 có hai con chung là Kiều Hồng H2- sinh ngày 26/4/1994 và Kiều Việt B- sinh ngày 23/9/1995. Hai con của ông đã trưởng thành, con gái đã đi lấy chồng, con trai đã đi làm tự nuôi sống bản thân, nên Tòa án không phải giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H1 sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 08/5/2018, các văn bản tiếp theo, bà Tạ Thị H1 trình bày: Bà công nhận thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như ông H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, ông H đối xử với bà không có tình cảm, bà bị bệnh nhưng ông H không trông nom, chăm sóc, đối xử tệ bạc với bà. Sau đó ông H thường xuyên có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác. Tháng 8 năm 2012, do bức xúc về tình cảm vợ chồng và do vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm nên bà đã bỏ nhà đi ra nước ngoài sinh sống. Từ năm 2012 đến nay bà và ông H cắt đứt quan hệ, không liên lạc với nhau. Ngày 06 tháng 4 năm 2018, bà về Việt Nam và sinh sống tại gia đình ở xã C, nhưng từ ngày về nhà đến nay, bà và ông H lại tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng không có quan hệ tình cảm. Nay ông H có đơn xin ly hôn, bà cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ với ông H được nữa, nhưng do các con đã trưởng thành, bà và ông H đã có cháu ngoại nên bà không đồng ý ly hôn. Bà đề nghị Tòa án cho bà và ông H được tiếp tục sống ly thân, ông H muốn đi quan hệ với ai thì đi, bà không ngăn cản.

Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là Kiều Hồng H2- sinh ngày 26/4/1994 và Kiều Việt B- sinh ngày 23/9/1995. Hai con của bà đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Do bà không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và không kê khai về số lượng tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Bà Tạ Thị H1 cư trú tại xã C, huyện T, Thành phố H nên ông Kiều Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tạ Thị H1 là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn vắng mặt bà H1 là đúng theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về hôn nhân: Ông Kiều Văn H và bà Tạ Thị H1 kết hôn hợp pháp. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 15 tháng 12 năm 1992.

Ông H và bà H1 cùng xác nhận quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà H1 đã bỏ ra nước ngoài sinh sống từ năm

2012 đến tháng 4 năm 2018 về nước. Bảy năm qua ông H và bà H1 sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Tháng 4 năm 2018, bà H1 về nhà nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được gì mà tiếp tục sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Ông H xin ly hôn, bà H1 cũng xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết không thể đoàn tụ được nữa, nhưng vì các con đã trưởng thành nên bà H1 không đồng ý ly hôn. Bà H1 đề nghị cho bà H1 và ông H được tiếp tục sống ly thân, ông H muốn đi quan hệ với ai thì đi, bà H1 không ngăn cản.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc sống chung sẽ không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Lý do không đồng ý ly hôn của bà H1 không phải xuất phát từ nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà chỉ muốn vợ chồng được tiếp tục sống ly thân. Bà H1 đồng ý để ông H tự do quan hệ với người khác, điều này chứng minh tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà H1 đã hết, nên ông H xin ly hôn bà H1 là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[3]- Về nuôi con chung: Ông H và bà H1 có hai con chung là Kiều Hồng H2- sinh ngày 26/4/1994 và Kiều Việt B- sinh ngày 23/9/1995. Hai con của ông H và bà H1 đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]- Về chia tài sản chung: Ông H và bà H1 không kê khai tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Kiều Văn H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

[7]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Kiều Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tạ Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b, Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Kiều Văn H và bà Tạ Thị H1.

2. Về nuôi con chung: Các con của ông H và bà H1 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Ông Kiều Văn H và bà Tạ Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

4. Về án phí: Ông Kiều Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 0000819 ngày 08/5/2018.

5. Về quyền kháng: Ông Kiều Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tạ Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn